

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D TỈNH NGHỆ
AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2024
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quang

Ông Lương Khăm Niên

- **Thư ký phiên tòa:** Lê Thị Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị L Th X, sinh năm 2002 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản N O, xã H L, huyện K S, tỉnh Nghệ An.

2. **Bị đơn:** Anh Ng V Th, sinh năm 1992 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

HKTT: Bản C R 1, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 1, Trại giam số 3, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị L Th X trình bày:

- Về tình cảm: Chị L Th X và anh Ng V Th tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2019. Chị X và anh Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 09/3/2021 trên cơ sở tự

nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Th nghiện ma túy, bản thân chị và gia đình khuyên can anh Th rất nhiều lần nhưng anh không cai nghiện được và ngày càng nghiện nặng hơn. Hiện anh Th đang đi chấp hành án 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2022. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị X có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị X và anh Th có 02 con chung là cháu Ng T K, sinh ngày 16/5/2019 hiện cháu đang sống với chị X tại bản N O, xã H L, huyện K S, tỉnh Nghệ An, cháu thứ hai là cháu L V M Y, sinh ngày 15/6/2020 hiện anh Lô Văn Thanh, chị Ngân Thị Hải nhận nuôi con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi ly thân năm 2022 cháu Ng T K chủ yếu do chị X chăm sóc, nuôi dưỡng nên nếu ly hôn chị X có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 3 năm 2024 anh Ng V Th trình bày:

- Tình cảm: Anh Ng V Th và chị L Th X tự do tìm hiểu nhau, yêu thương nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Anh Th và chị X đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày vào ngày **01 tháng 3 năm 2021** trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Th và chị X sống ly thân từ năm 2022. Nay chị X có nguyện vọng ly hôn thì anh Th không đồng ý vì theo anh Th vợ chồng vẫn đang còn tình cảm.

- Con chung: Anh Th và chị X có 02 con chung là cháu Ng T K, sinh ngày 16/5/2019 hiện đang sống cùng với chị X, người con thứ hai sau khi đẻ ra vợ chồng hoàn cảnh khó khăn nên đã cho đi làm con nuôi, anh Th không biết cháu tên gì và đang ở đâu. Nếu ly hôn đặt ra anh Th có nguyện vọng nuôi cháu Ng T K.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kết quả xác minh tại địa phương thì anh Ng V Th có hộ khẩu thường trú tại bản C R 1, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An có vợ là chị L Th X và có 02 con chung Ng T K, sinh ngày 16/5/2019 và cháu L V M Y, sinh ngày 15/6/2020, cháu L V M Y anh Lô Văn Thanh, chị Ngân Thị Hải, trú tại bản Thạch Dương, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An nhận nuôi con nuôi tại giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 03 ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã X L, huyện T

D, tỉnh Nghệ An. Anh Th hiện đang chấp hành án tại phân trại số 1, Trại giam số 3, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị L Th X cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị L Th X được ly hôn với anh Ng V Th; Con Chung: giao cháu Ng T K, sinh ngày 16/5/2019 cho chị L Th X chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Th; cháu L V M Y vẫn tiếp tục giao cho anh Lô Văn Thanh, chị Ngân Thị Hải nuôi dưỡng; Tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: chị X chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Ng V Th có hộ khẩu thường trú tại bản C R 1, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị L Th X và bị đơn anh Ng V Th thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Th kết hôn với nhau vào năm 2021 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 12 ngày 09/3/2021 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị X và anh Th có nhiều mâu thuẫn, anh Th nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ, anh Th đi chấp hành án tại phân trại số 1, Trại giam số 3, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, vợ

chồng hiện đã sống ly thân nhau từ năm 2022. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị X và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị X là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị X và anh Th có 02 con chung là cháu Ng T K, sinh ngày 16/5/2019 hiện đang sống cùng với chị X và cháu L V M Y, sinh ngày 15/6/2020 hiện anh Lô Văn Thanh và chị Ngân Thị Hải đã nhận nuôi con nuôi nên chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi ly hôn chị L Th X và anh Ng V Th đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng T K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi ly thân vào năm 2022 cháu Ng T K do chị X chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Th hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 3, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Ng T K, sinh ngày 16/5/2019 cho chị L Th X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kỳ đủ 18 tuổi, trưởng thành, chị X không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền này. Còn cháu L V M Y, chị X, anh Th đã cho anh Lô Văn Thanh, chị Ngân Thị Hải trú tại bản Thạch Dương, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An nhận nuôi con nuôi theo đúng quy định của pháp luật được cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước số 03 ngày 03/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An, nên tiếp tục giao cháu L V M Y cho anh Lô Văn Thanh, chị Ngân Thị Hải tiếp tục nuôi dưỡng.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị L Th X và anh Ng V Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 78, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị L Th X được ly hôn với anh Ng V Th.

2. Con chung:

+ Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu Ng T K, sinh ngày 16/5/2019 cho chị L Th X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Th;

- Anh Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Cháu L V M Y, sinh ngày 15/6/2020 tiếp tục giao anh Lô Văn Thanh, chị Ngân Thị Hải chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị L Th X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007337 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã X L;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Ái

